TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2024/DS-ST
Ngày 03-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Hoàng Kha
Ông Tạ Bửu Thương

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Chưởng - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Lê Quốc Nin - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 và ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 516/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng VN.

Địa chỉ: Tháp B, số 194, đường K, Phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Vũ Nhật Kh và chị Trương Diễm Th; cùng địa chỉ: Số 27, Ng, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn P, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 57A, Lý Thường Kiệt, khóm 4, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2/ Bà Bành Luyến T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 24A, Ng, khóm 1, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa, chị Thúy có mặt. Còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng VN - Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn P và Bành Luyến T có vay tiền của Ngân hàng VN (gọi tắt là ngân hàng), theo 04 HĐTD cụ thể như sau:

1/ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 93/2022/15056598/HĐTD ký ngày 15/04/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 93.11/2022/15056598/HĐTD ký ngày 07/04/2023.

Số tiền vay: 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng).

Lãi suất cho vay: 9.9%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng.

2/ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 93/2022/15056598/HĐTD ký ngày 15/04/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 93.12/2022/15056598/HĐTD ký ngày 07/04/2023.

Số tiền vay: 1.900.000.000 đồng (một tỷ, chín trăm triệu đồng).

Lãi suất cho vay: 9.9%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng.

3/ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 93/2022/15056598/HĐTD ký ngày 15/04/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 93.13/2022/15056598/HĐTD ký ngày 11/04/2023.

Số tiền vay: 2.200.000.000 đồng (hai tỷ, hai trăm triệu đồng).

Lãi suất cho vay: 9.9%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng.

4/ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 93/2022/15056598/HĐTD ký ngày 15/04/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 93.14/2022/15056598/HĐTD ký ngày 11/04/2023.

Số tiền vay: 1.800.000.000 đồng (một tỷ, tám trăm triệu đồng).

Lãi suất cho vay: 9.9%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng.

Ngoài ra ông Nguyễn P còn vay cá nhân đối với Ngân hàng 02 khoản vay, cụ thể:

Thứ nhất: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 93/2022/15056598/HĐTD ký ngày 15/04/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 93.10/2022/15056598/HĐTD ký ngày 24/02/2023.

Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng (một tỷ, một trăm triệu đồng).

Lãi suất cho vay: 10.4%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng.

Thứ hai: Giấy Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 03/2021/15056598/HĐTTD ký ngày 08/03/2021
Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn)

Tính đến hết ngày 30/5/2024, thì ông Phúc và bà Thanh còn nợ Ngân hàng tiền vay theo các hợp đồng số:

93.11/2022/15056598/HĐTD;
93.12/2022/15056598/HĐTD;
93.13/2022/15056598/HĐTD;
93.14/2022/15056598/HĐTD

Tổng số tiền là 9.192.239.666 đồng. Trong đó tiền gốc là 8.000.000.000 đồng, tiền lãi là 1.192.239.666 đồng.

Riêng ông Nguyễn P còn nợ ngân hàng: Tiền vay theo Hợp đồng số 93.10/2022/15056598/HĐTD tổng số tiền 1.284.482.524 đồng. Trong đó tiền nợ gốc 1.100.000.000 đồng, nợ lãi 184.482.524 đồng; nợ theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, tổng số tiền 57.981.496 đồng. Trong đó tiền nợ gốc 49.484.510 đồng, nợ lãi 8.496.986 đồng. Tổng cộng là 1.342.464.020 đồng; Trong đó tiền nợ gốc 1.149.484.510 đồng; nợ lãi là 192.979.510 đồng.

Quá trình vay vốn, ông Nguyễn P và bà Bành Luyến T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn P thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tổng số tiền còn thiếu tính đến hết ngày 30/5/2024, theo Hợp đồng tín dụng số 93.10/2022/15056598/HĐTD và Giấy Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là 1.342.464.020 đồng. Trong đó tiền nợ gốc 1.149.484.510 đồng; nợ lãi là 192.979.510 đồng.

Buộc ông Nguyễn P và bà Bành Luyến T cùng thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tổng số tiền còn thiếu tính đến hết ngày 30/5/2024 theo các hợp đồng đã ký kết số:

93.11/2022/15056598/HĐTD;
93.12/2022/15056598/HĐTD;
93.13/2022/15056598/HĐTD;
93.14/2022/15056598/HĐTD, là 9.192.239.666 đồng. Trong đó tiền gốc là 8.000.000.000 đồng, tiền lãi là 1.192.239.666 đồng.

Buộc ông Nguyễn P và bà Bành Luyến T thanh toán cho Ngân hàng khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo các hợp đồng mà các bên đã ký kết.

Trường hợp ông Nguyễn P và bà Bành Luyến T không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ, thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng

đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại phường 6, thành phố Cà Mau, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 38/2021/15056598/HĐBĐ, ngày 01/3/2021 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Ngoài các yêu cầu trên, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Hiện trạng, tình trạng tài sản thế chấp từ khi thế chấp đến nay không thay đổi.

Bị đơn ông Nguyễn P và bà Bành Luyến T vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn P và bà Bành Luyến T thanh toán nợ cho ngân hàng. Buộc bị đơn tiếp tục thanh toán lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bị đơn không thanh toán nợ cho nguyên đơn, thì buộc bị đơn giao các tài sản thế chấp để xử lý, thu hồi nợ cho nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Nguyễn P và bà Bành Luyến T vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng VN (gọi tắt là Ngân hàng) yêu cầu:

Buộc ông Nguyễn P thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 30/5/2024, theo Hợp đồng số 93.10/2022/15056598/HĐTD và Giấy Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là 1.342.464.020 đồng. Trong đó nợ gốc 1.149.484.510 đồng; nợ lãi là 192.979.510 đồng.

Buộc ông Nguyễn P và bà Bành Luyến T thanh toán cho Ngân hàng VN tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 30/5/2024 theo các hợp đồng đã ký kết số:

93.11/2022/15056598/HĐTD;

93.12/2022/15056598/HĐTD;

93.13/2022/15056598/HĐTD;

93.14/2022/15056598/HĐTD, là 9.192.239.666 đồng. Trong đó tiền gốc là 8.000.000.000 đồng, tiền lãi là 1.192.239.666 đồng.

Buộc ông Nguyễn P và bà Bành Luyến T cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo các hợp đồng đã ký kết.

Trường hợp ông Nguyễn P và bà Bành Luyến T không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ, thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại phường 6, thành phố Cà Mau, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 38/2021/15056598/HĐBĐ, ngày 01/3/2021 để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn có cung cấp các chứng cứ chứng minh về việc bị đơn có vay tiền, thế chấp tài sản cho nguyên đơn thể hiện tại các hợp đồng được ký kết giữa ông Nguyễn P và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; giữa ông Nguyễn P, bà Bành Luyến T với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Nguyên đơn cũng sao kê, cung cấp số tiền bị đơn còn nợ tính đến hết ngày 30/5/2024 và yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ.

[4] Đối với bị đơn, Tòa án đã tống đạt các thông báo, văn bản tố tụng hợp lệ. Bị đơn biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bị đơn không có văn bản nêu ý kiến phản đối gửi Tòa án. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[5] Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều: 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng VN về việc:

Buộc ông Nguyễn P thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 30/5/2024, theo Hợp đồng tín dụng số 93.10/2022/15056598/HĐTD và Giấy Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là 1.342.464.020 đồng (làm tròn: một tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Trong đó nợ gốc 1.149.484.510 đồng; nợ lãi là 192.979.510 đồng.

Buộc ông Nguyễn P và bà Bành Luyến T cùng chịu trách nhiệm thanh

toán cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 30/5/2024 theo các hợp đồng đã ký kết số:

93.11/2022/15056598/HĐTD;
93.12/2022/15056598/HĐTD;
93.13/2022/15056598/HĐTD;
93.15/2022/15056598/HĐTD, là 9.192.239.666 đồng (làm tròn: chín tỷ, một trăm chín mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 8.000.000.000 đồng, tiền lãi là 1.192.239.666 đồng.

Buộc ông Nguyễn P và bà Bành Luyến T thanh toán cho nguyên đơn lãi phát sinh, theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã ký kết, cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán nợ không đầy đủ cho nguyên đơn, thì buộc bị đơn giao tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại phường 6, thành phố Cà Mau, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 38/2021/15056598/HĐBĐ, ngày 01/3/2021, để xử lý, thu hồi nợ cho nguyên đơn.

Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn không phải chịu. Ngày 10/10/2023, Nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí số tiền 58.791.000 đồng, theo Biên lai thu số 0008406, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Ông Nguyễn P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 112.654.000 đồng (một trăm mười hai triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Bà Bành Luyến T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 112.596.000 đồng (một trăm mười hai triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các diiêù 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thắm

Nơi nhận

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.